

## CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 3 năm 2013



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

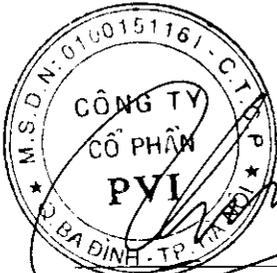
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

*Ngày 08 tháng 5 năm 2013*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>3.342.047.740.266</b>	<b>3.865.084.728.356</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>809.525.282.263</b>	<b>139.416.874.186</b>
1. Tiền	111		47.525.282.263	24.416.874.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		762.000.000.000	115.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.138.955.628.566</b>	<b>3.231.830.007.058</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.223.435.989.718	3.312.403.269.249
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(84.480.361.152)	(80.573.262.191)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>390.166.072.127</b>	<b>403.605.486.219</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	215.342.815.180	303.573.591.138
2. Trả trước cho người bán	132	7	70.025.675.767	68.305.378.240
3. Các khoản phải thu khác	135	8	173.044.566.002	99.973.501.663
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(68.246.984.822)	(68.246.984.822)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.620.000</b>	<b>1.876.620.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.620.000	1.876.620.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.399.137.310</b>	<b>88.355.740.893</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		263.040.495	768.122.086
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9	754.068.790	87.025.045.529
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.382.028.025	562.573.278
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>4.296.786.958.972</b>	<b>3.806.776.279.013</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>972.441.905.043</b>	<b>954.333.241.905</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.015.782.843	17.915.833.548
Nguyên giá	222		45.464.537.078	45.748.182.849
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.448.754.235)	(27.832.349.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.149.794.825	4.529.767.427
Nguyên giá	228		20.345.112.000	19.645.112.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.195.317.175)	(15.115.344.573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	950.276.327.375	931.887.640.930
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.217.421.601.179</b>	<b>2.740.363.630.573</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.670.000.000.000	2.160.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	396.528.754.965	396.528.754.965
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	326.394.840.680	326.394.840.680
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(175.501.994.466)	(142.559.965.072)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>106.923.452.750</b>	<b>112.079.406.535</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	106.918.452.750	112.074.406.535
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>7.638.834.699.238</b>	<b>7.671.861.007.369</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

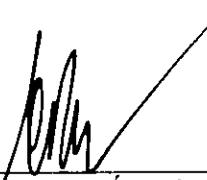
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.549.861.536.287</b>	<b>1.671.968.998.055</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.112.104.455.412</b>	<b>1.171.711.917.180</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	62.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		795.695.235	106.232.860
3. Người mua trả tiền trước	313		1.370.893.092	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.192.797.590	6.418.054.834
5. Phải trả người lao động	315		6.547.477.338	6.166.399.230
6. Chi phí phải trả	316		8.902.883.407	9.942.883.407
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.027.475.361.011	1.144.553.941.721
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.319.347.739	4.524.405.128
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>437.757.080.875</b>	<b>500.257.080.875</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	437.500.000.000	500.000.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		257.080.875	257.080.875
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>6.088.973.162.951</b>	<b>5.999.892.009.314</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>6.088.973.162.951</b>	<b>5.999.892.009.314</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	414		(141.877.589.755)	(138.219.350.615)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		386.157.747.911	293.418.355.134
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>7.638.834.699.238</b>	<b>7.671.861.007.369</b>

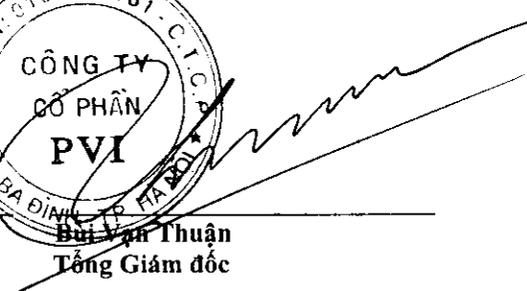
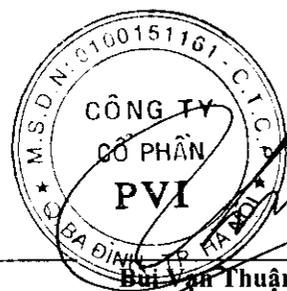
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/3/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.476,05	12.479,29
Euro	EUR	382,51	385,24

  
Lâm Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

  
Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng

  
  
Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/3/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.220.893.090	2.673.325.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.220.893.090	2.673.325.742
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2.460.000.000	1.355.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.760.893.090	1.318.325.742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	177.585.138.910	212.102.858.509
7. Chi phí tài chính	22	24	47.626.531.867	25.112.992.450
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.593.278.872	32.380.395.623
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		93.126.221.261	155.927.796.178
11. Thu nhập khác	31		5.000.100	2.500.003
12. Chi phí khác	32		-	234
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.000.100	2.499.769
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		93.131.221.361	155.930.295.947
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	391.828.584	9.247.283.298
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		92.739.392.777	146.683.012.649

Lâm Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

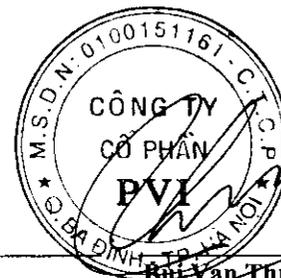
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
		đến ngày 31/3/2013	đến ngày 31/3/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.855.936.000	4.660.748.800
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(41.628.924.731)	(109.694.174.864)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.326.193.919)	(21.888.722.718)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(7.337.612.804)	(6.538.820.270)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	232.234.173.051	170.749.474.422
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(119.285.105.239)	(32.480.891.119)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>68.512.272.358</b>	<b>4.807.614.251</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.537.064.920)	(1.196.708.555)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(327.399.044.907)	(300.255.849.744)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	863.585.000.000	502.262.467.500
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.786.507.505)	(4.786.507.505)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.184.089.604	3.600.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	129.727.694.587	123.321.577.339
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>671.774.166.859</b>	<b>322.944.979.035</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(3.658.239.140)	(4.321.772.050)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(66.519.792.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(70.178.031.140)</b>	<b>(4.321.772.050)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>670.108.408.077</b>	<b>323.430.821.236</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	139.416.874.186	88.394.874.149
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	809.525.282.263	411.825.695.385

Lâm Thị Lan Phương  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 là 104 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 107).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính:***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

***Công nợ tài chính:***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ dài hạn.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 31/3/2013</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất; quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

**Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa**

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào các công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phúc lợi, khen thưởng, trích Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	723.036.068	173.708.496
Tiền gửi ngân hàng	46.802.246.195	24.243.165.690
Các khoản tương đương tiền (i)	762.000.000.000	115.000.000.000
	<u><b>809.525.282.263</b></u>	<u><b>139.416.874.186</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	218.063.655.274	243.445.934.805
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	63.334.494.426	63.334.494.426
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (ii)	510.000.000.000	1.472.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (iii)	544.872.089.700	547.372.089.700
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iv)	142.165.750.318	142.165.750.318
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (v)	745.000.000.000	844.085.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(84.480.361.152)	(80.573.262.191)
	<u><b>2.138.955.628.566</b></u>	<u><b>3.231.830.007.058</b></u>

(i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro liên quan đến chứng khoán. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với các hợp đồng này và rủi ro tín dụng được đảm bảo bằng quyền thanh lý chứng khoán.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.

(iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.

(iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(v) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, một số hợp đồng đã được gia hạn, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và tin tưởng rằng không có khoản dự phòng nào đáng kể cần trích lập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>215.342.815.180</b>	<b>303.573.591.138</b>
Phải thu về hoạt động tài chính	212.668.215.638	300.898.991.596
Các khoản phải thu khác của khách hàng	2.674.599.542	2.674.599.542
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(68.246.984.822)</b>	<b>(68.246.984.822)</b>
Dự phòng phải thu lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	(39.877.039.901)
Dự phòng phải thu lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	(28.369.944.921)	(28.369.944.921)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	63.209.770.122	63.209.770.122
- Dự án Olalani (Đà Nẵng)	63.209.770.122	63.209.770.122
Trả trước khác	6.815.905.645	5.095.608.118
	<b>70.025.675.767</b>	<b>68.305.378.240</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	11.000.000.000	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (i)	47.321.768.568	43.019.789.607
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	96.558.726.192	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	12.482.391.223	-
Khác	5.681.680.019	5.953.712.056
	<b>173.044.566.002</b>	<b>99.973.501.663</b>

- (i) Phải thu từ Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng tài sản tại Bệnh viện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2011/PVI-PVH ngày 01 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số PL01-01/2011/PVI-PVH ngày 22 tháng 11 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam và Công ty.

**9. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (87.025.045.529 đồng) chủ yếu bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào của công trình xây dựng trụ sở mới của Công ty (PVI Tower) tại phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 23 tháng 02 năm 2013, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 4696 QĐ/CT-KT2 về việc hoàn thuế cho Công ty với số tiền 87.243.696.438 đồng và Công ty đã được chuyển trả vào ngày 27 tháng 02 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	19.825.224.463	10.150.410.951	15.772.547.435	45.748.182.849
Tăng trong kỳ	-	-	1.443.631.000	1.443.631.000
- Mua sắm mới	-	-	1.443.631.000	1.443.631.000
Điều chuyển cho công ty con	-	-	1.326.541.325	1.326.541.325
Giảm khác trong năm	-	51.200.000	349.535.446	400.735.446
Tại ngày 31/3/2013	<u>19.825.224.463</u>	<u>10.099.210.951</u>	<u>15.540.101.664</u>	<u>45.464.537.078</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	10.071.208.037	5.235.898.459	12.525.242.805	27.832.349.301
Trích khấu hao	228.604.472	436.680.943	542.951.195	1.208.236.610
Điều chuyển cho công ty con	-	-	1.191.096.230	1.191.096.230
Giảm khác trong năm	-	51.200.000	349.535.446	400.735.446
Tại ngày 31/3/2013	<u>10.299.812.509</u>	<u>5.621.379.402</u>	<u>11.527.562.324</u>	<u>27.448.754.235</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/3/2013	<u>9.525.411.954</u>	<u>4.477.831.549</u>	<u>4.012.539.340</u>	<u>18.015.782.843</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.754.016.426</u>	<u>4.914.512.492</u>	<u>3.247.304.630</u>	<u>17.915.833.548</u>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	19.645.112.000
Tăng trong kỳ	700.000.000
- Mua sắm mới	700.000.000
Tại ngày 31/3/2013	<u>20.345.112.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	15.115.344.573
Trích khấu hao	1.079.972.602
Tại ngày 31/3/2013	<u>16.195.317.175</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/3/2013	<u>4.149.794.825</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.529.767.427</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (i)	950.276.327.375	930.681.882.930
Khác	-	1.205.758.000
	<u><b>950.276.327.375</b></u>	<u><b>931.887.640.930</b></u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Chi phí lãi vay trong kỳ được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 17.644.444.444 đồng (năm 2012: 26.033.333.334 đồng).

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.700.000.000.000	1.700.000.000.000
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	460.000.000.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	510.000.000.000	-
	<u><b>2.670.000.000.000</b></u>	<u><b>2.160.000.000.000</b></u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Tái bảo hiểm
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	TP. Hồ Chí Minh	51	51	Bảo hiểm nhân thọ

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	138.721.893.200	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	46.912.303.800
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	78.894.557.965	78.894.557.965
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
	<u><b>396.528.754.965</b></u>	<u><b>396.528.754.965</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	36.4	36.4	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	34.0	34.0	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	Tp. Hà Nội, Việt Nam	74.4	74.4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	Tp. Lào Cai, Việt Nam	74.5	74.5	Dịch vụ du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	Quảng Ngãi, Việt Nam	60.0	60.0	Điều hành hoạt động của Bệnh viện Dầu khí Dung Quất

Công ty xác định dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty liên kết này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty dùng để lập dự phòng gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới (trước đây là Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam), Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa và Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 74,4%, 74,5% và 60%. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định không nắm giữ quyền kiểm soát ở các công ty này trong dài hạn. Do đó, Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư này là “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con”. Việc áp dụng các phương pháp kế toán thích hợp với cách phân loại các khoản đầu tư này phụ thuộc vào việc thực hiện kế hoạch thoái vốn của Công ty trong thời gian tới.

Ngày 17 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 21/NQ-PVI trong đó thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới. Hiện tại, thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới chưa hoàn tất nên Công ty chưa phân loại khoản đầu tư này sang ngắn hạn, đồng thời các tổn thất liên quan đến khoản đầu tư đã được trích lập dự phòng đầy đủ (Thuyết minh số 16).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ phiếu	80.002.609.354	80.002.609.354
Trái phiếu (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ủy thác đầu tư (ii)	196.392.231.326	196.392.231.326
	<u><b>326.394.840.680</b></u>	<u><b>326.394.840.680</b></u>

- (i) Là trái phiếu doanh nghiệp, có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 3 năm, lãi suất danh nghĩa từ 17,5% đến 17,9%/năm.
- (ii) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 189.877.039.901 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 150.000.000.000 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 6) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác và tin tưởng rằng đối tác sẽ thực hiện được cam kết trả nợ của mình.

**16. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(357.899.817)	-
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(18.781.133.785)	(16.777.442.899)
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(6.362.960.864)	(5.782.522.173)
	<u><b>(175.501.994.466)</b></u>	<u><b>(142.559.965.072)</b></u>

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 31/3/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 31/3/2012</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	112.074.406.535	134.327.930.737
Tăng	1.992.912.924	2.556.360.364
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(7.148.866.709)	(6.913.884.499)
Tại ngày 31/3	<u><b>106.918.452.750</b></u>	<u><b>129.970.406.602</b></u>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên (trình bày tại Thuyết minh số 21 - Vay và nợ dài hạn).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: VND

	31/12/2012	Phát sinh trong kỳ		31/3/2013
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	799.798.138	1.424.413.730	1.486.892.460	737.319.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.194.998.302	391.828.584	4.207.637.958	379.188.928
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	1.423.258.394	292.909.326	1.639.878.466	76.289.254
	<b>6.418.054.834</b>	<b>2.112.151.640</b>	<b>7.337.408.884</b>	<b>1.192.797.590</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/3/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	975.582.836.568	1.095.807.489.680
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	-	939.881.327
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	43.690.797.221	38.399.229.371
Phải trả khác	8.201.727.222	9.407.341.343
	<b>1.027.475.361.011</b>	<b>1.144.553.941.721</b>

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ bắt đầu từ ngày 21 tháng 02 năm 2014 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 14,2%/năm, sau đó được điều chỉnh hàng quý, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 3,5%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI Tower tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 12). Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/3/2013
	VND
Trong vòng một năm	62.500.000.000
Trong năm thứ hai	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	312.500.000.000
Sau năm năm	-
	<b>500.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 18)	62.500.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>437.500.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**MÃ SỐ B 09-DN**

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2012	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	(101.655.857)	179.211.820.775	238.227.338.898	5.397.258.374.664
Vốn góp	212.947.150.000	347.849.170.725	-	-	-	-	560.796.320.725
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(13.896.923.265)	-	-	-	(13.896.923.265)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	376.220.302.860	376.220.302.860
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	(307.764.378.000)	(307.764.378.000)
Điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước	-	(630.000.000)	-	-	-	6.735.061.376	6.735.061.376
Chi khác	-	1.071.565.097	-	101.655.857	-	30.000	1.173.250.954
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(138.219.350.615)</b>	<b>-</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>293.418.355.134</b>	<b>5.999.892.009.314</b>
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ (i)	-	-	(3.658.239.140)	-	-	-	(3.658.239.140)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	92.739.392.777	92.739.392.777
<b>Tại ngày 31/3/2013</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>3.323.062.514.020</b>	<b>(141.877.589.755)</b>	<b>-</b>	<b>179.211.820.775</b>	<b>386.157.747.911</b>	<b>6.088.973.162.951</b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã mua lại 216.200 cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn điều lệ:

	Vốn góp tại ngày		Vốn góp tại ngày	
	31/3/2013	Tỷ lệ	31/12/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	831.497.400.000	35,50%	831.497.400.000	35,50%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	745.315.030.000	31,82%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.410.000	11,58%	271.178.410.000	11,58%
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	145.932.430.000	6,23%	145.932.430.000	6,23%
Cổ đông khác	348.495.400.000	14,88%	348.495.400.000	14,88%
	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.342.418.670.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phần**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/3/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>234.241.867</b>	<b>234.241.867</b>
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>7.987.100</b>	<b>7.770.900</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.987.100	7.770.900
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>226.254.767</b>	<b>226.470.967</b>
Cổ phiếu phổ thông	226.254.767	226.470.967

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/3/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.493.582.535	13.585.620.725
Lãi đầu tư trái phiếu	1.910.958.904	5.316.143.969
Lãi kinh doanh cổ phiếu	2.814.111.469	430.897.987
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	12.971.162.691	6.737.850.003
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.889.218.965	120.400.414.507
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh Repo	2.375.043.543	12.686.583.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.131.060.803	52.945.348.318
	<b>177.585.138.910</b>	<b>212.102.858.509</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/3/2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	74.486.030	8.636.917.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	80.780.836
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	36.849.128.355	(320.521.232)
Chi phí tài chính khác	10.702.917.482	16.715.814.996
	<b>47.626.531.867</b>	<b>25.112.992.450</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/3/2012
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>93.131.221.361</b>	<b>155.930.295.947</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(100.889.218.965)	(120.400.414.507)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(100.889.218.965)	(120.400.414.507)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.325.311.939	1.459.251.752
- Thù lao Hội đồng Quản trị	8.000.000	30.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	25.726.027	26.297.717
- Chi phí không được khấu trừ	9.291.585.912	1.402.954.035
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.567.314.335</b>	<b>36.989.133.192</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>391.828.584</b>	<b>9.247.283.298</b>

**26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong Báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước về việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), Kiểm toán Nhà nước đã tạm xác định số lãi chậm nộp của số tiền thu từ cổ phần hoá trong năm 2007 mà Công ty phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn là 134.402.904.325 đồng.

Tuy nhiên, do văn bản quy định của Nhà nước tại thời điểm Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa (Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước) không quy định lãi suất tham chiếu để tính lãi chậm nộp, Tập đoàn cũng đã xác định số lãi chậm nộp mà Công ty phải trả là 44.294.438.126 đồng theo Nghị quyết số 872/NQ-DKVN ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn trước ngày hiệu lực (ngày 06 tháng 3 năm 2008) của Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC về Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ (thay thế Quyết định số 76/2003/QĐ-BTC) và số tiền 44.294.438.126 đồng tiền lãi chậm trả này đã được Công ty nộp trả Tập đoàn vào tháng 6 năm 2008.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Tập đoàn, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước về khoản chênh lệch lãi chậm nộp với số tiền 90.108.466.199 đồng (134.402.904.325 đồng - 44.294.438.126 đồng). Theo đó, Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 chưa ghi nhận khoản công nợ 90.108.466.199 đồng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**27. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng xây dựng văn phòng tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng giá trị tạm tính tương đương với 54.954.000 USD. Giá trị hoàn thành đạt khoảng 80% giá trị hợp đồng.
- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 60% giá trị hợp đồng.
- Ngày 28 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 24/NQ-PVI về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 42.000.000.000 đồng tương ứng với 21%.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/3/2013</u>
	<u>VND</u>
Các khoản vay	500.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	809.525.282.263
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	<u>6.088.973.162.951</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	809.525.282.263	139.416.874.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	320.140.396.360	335.300.107.979
Đầu tư ngắn hạn	2.138.955.628.566	3.231.830.007.058
Đầu tư dài hạn	170.031.879.816	200.612.318.507
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.438.653.187.005</b>	<b>3.907.159.307.730</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	62.500.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.028.271.056.246	1.144.660.174.581
Chi phí phải trả	8.902.883.407	9.942.883.407
Vay và nợ dài hạn	437.500.000.000	500.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.537.173.939.653</b>	<b>1.654.603.057.988</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	31/3/2013	31/12/2012	31/3/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ (USD)	260.998.966	259.756.421	-	-
Euro (EUR)	10.194.767	10.544.385	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm 26.099.897 đồng.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 không thay đổi (do chi phí lãi vay trong kỳ được vốn hóa toàn bộ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang), đồng thời khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ tăng/giảm khoảng 2,5 tỷ đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012: 0 đồng).

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 2,7 tỷ đồng.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 15.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/3/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	819.425.446.647	-	819.425.446.647
Phải thu khách hàng và phải thu khác	320.140.396.360	-	320.140.396.360
Đầu tư ngắn hạn	2.235.867.591.724	-	2.235.867.591.724
Đầu tư dài hạn	8.750.000.000	175.986.740.927	184.736.740.927
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.384.183.434.730</b>	<b>175.986.740.927</b>	<b>3.560.170.175.658</b>
<b>31/3/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	71.473.611.111	-	71.473.611.111
Phải trả người bán và phải trả khác	1.028.271.056.246	-	1.028.271.056.246
Chi phí phải trả	8.902.883.407	-	8.902.883.407
Vay và nợ dài hạn	62.051.041.667	556.671.527.778	618.722.569.444
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.170.698.592.431</b>	<b>556.671.527.778</b>	<b>1.727.370.120.209</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.933.519.022	-	140.933.519.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	335.300.107.979	-	335.300.107.979
Đầu tư ngắn hạn	3.410.879.037.558	-	3.410.879.037.558
Đầu tư dài hạn	8.750.000.000	208.754.679.618	217.504.679.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.895.862.664.559</b>	<b>208.754.679.618</b>	<b>4.104.617.344.177</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.144.660.174.581	-	1.144.660.174.581
Chi phí phải trả	9.942.883.407	-	9.942.883.407
Vay và nợ dài hạn	71.000.000.000	595.209.027.778	666.209.027.778
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.225.603.057.988</b>	<b>595.209.027.778</b>	<b>1.820.812.085.766</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

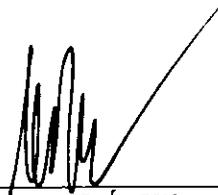
Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần PVI.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

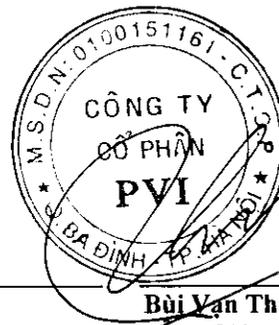
Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012.



**Lâm Thị Lan Phương**  
Người lập biểu



**Phùng Tuấn Kiên**  
Kế toán trưởng



**Bùi Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 5 năm 2013